

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA**
Số: 75/2023/QĐST-DS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
H, ngày 29 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lường Thị Huyền

2. Ông Hoàng Ngọc Hải

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 04/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2022.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tiến T, sinh năm 1991. Có mặt

Địa chỉ: Tổ 2, khu 4a, phường C, thành phố P, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Anh Tổng Chí C, sinh năm 1981. Có mặt

Địa chỉ: Phố B, thị trấn S, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Bà Trịnh Thị A, sinh năm 1977. Có mặt

Địa chỉ: Số nhà 102, phố T, thị trấn S, huyện H, Thanh Hóa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị Tú A, sinh năm 1996

Địa chỉ: Tổ 4, khu Th1, phường C, TP. P, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Tú A:

Anh Tổng Chí C, sinh năm 1981. Có mặt

Địa chỉ: Phố B, thị trấn S, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa.

Cháu Nguyễn Bảo Tr, sinh ngày 15/4/2017

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trịnh Thị A, sinh năm 1977. Có mặt
Đều ở địa chỉ: Số nhà 10, phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Nguyễn Tiến T và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Tú A là ông Tống Chí C và bị đơn, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Bảo Tr là bà Trịnh Thị A thống nhất thỏa thuận:

2.1. Về di sản thừa kế:

Ông Nguyễn Tiến M chết ngày 17/9/2018, để lại là quyền sử dụng đất thửa đất số 391 (5), tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính thị trấn S, diện tích 93,6 m², trong đó: đất ở 93,6 m², đất trồng cây lâu năm: 0,0 m²; nhà và công trình trên đất tại phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, do vợ là bà Trịnh Thị A đang quản lý, sử dụng (Thông tin theo sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thị trấn S, quyền số 02, số thứ tự 01997, tên và địa chỉ của người được cấp GCN: Nguyễn Tiến M, số phát hành GCN BV 961702; thửa số 391 (5)/02, diện tích 93,6 m², ngày ký GCN 20/8/2014, nhận chuyển nhượng từ số 01953). Thửa đất trên là tài sản riêng của ông M do ông nhận chuyển nhượng lại của bà Đoàn Thị Mai ngày 30/6/2014, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/8/2014, tại thời điểm này ông đã ly hôn với vợ cũ là bà Phạm Thị G (ly hôn năm 2012) và chưa kết hôn với bà Trịnh Thị A. Tổng giá trị quyền sử dụng đất, nhà và công trình trên đất được định giá có giá trị bằng 563.565.600đ (Năm trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm sáu mươi lăm nghìn, sáu trăm đồng).

Diện tích thực tế của thửa đất là 138,6 m², qua xác minh thửa đất không có tranh chấp về mốc giới và diện tích với các hộ liền kề. Tuy nhiên, tại thời điểm ông M nhận chuyển nhượng, thửa đất có diện tích là 93,6 m², đồng thời Ủy ban nhân dân huyện H xác định phần đất thừa ra là 45,0m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 961702, cấp ngày 20/8/2014 chưa đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, các bên đương sự thống nhất thửa đất là di sản thừa kế có diện tích 93,6 m².

2.2. Về hàng thừa kế:

Ông Nguyễn Tiến M chết không để lại di chúc nên di sản thừa kế được chia theo pháp luật. Hàng thừa kế thứ nhất gồm:

Bố mẹ của ông Nguyễn Tiến M là cụ Nguyễn Tá V (chết năm 2001) và cụ Trần Thị Ê (chết năm 2010). Ông Nguyễn Tiến M và bà Phạm Thị G (đã ly hôn năm 2012) có 02 con chung là anh Nguyễn Tiến T và chị Nguyễn Thị Tú A. Năm 2016, ông Nguyễn

Tiến M kết hôn với bà Trịnh Thị A, được UBND thị trấn S, huyện H cấp GCN kết hôn theo quy định. Ông M và bà A có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo Tr. Ngoài ra, ông M không có con đẻ, con nuôi nào khác. Vậy theo quy định tại Điều 613, 651 Bộ luật dân sự 2015, hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản thừa kế của ông M gồm bà Trịnh Thị A, cháu Nguyễn Bảo Tr, anh Nguyễn Tiến T và chị Nguyễn Thị Tú A.

2.3. Về phân chia di sản thừa kế:

Nguyên đơn là anh Nguyễn Tiến T, người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Tú A là ông Tổng Chí C và bà Trịnh Thị A thống nhất thỏa thuận:

* Giao cho bà Trịnh Thị A quyền sử dụng thửa đất số 391 (5), tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính thị trấn S, diện tích 93,6 m², trong đó: đất ở 93,6 m², đất trồng cây lâu năm: 0,0 m² và quyền sở hữu nhà và toàn bộ công trình trên thửa đất trên tại địa chỉ: số nhà 102 (số 10 cũ), phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (Thông tin theo sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thị trấn S, quyền số 02, số thứ tự 01997, tên và địa chỉ của người được cấp GCN: Nguyễn Tiến M, số phát hành GCN BV 961702; thửa số 391 (5)/02, diện tích 93,6 m², ngày ký GCN 20/8/2014, nhận chuyển nhượng từ số 01953). Đối với phần diện tích đất thừa ra so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 45 m², tạm giao cho bà Trịnh Thị A quản lý cho đến khi có quyết định thay đổi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Bà Trịnh Thị A có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất được chia theo thỏa thuận.

* Bà Trịnh Thị A có trách nhiệm giao lại cho anh Nguyễn Tiến T phần di sản có giá trị bằng số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) vào số tài khoản của anh T là số 166616081991 của Ngân hàng TMCP Quân đội, chuyển khoản ngay tại phiên tòa (đã chuyển khoản xong).

* Bà Trịnh Thị A có trách nhiệm giao lại cho chị Nguyễn Thị Tú A phần di sản có giá trị bằng số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) vào số tài khoản của chị Nguyễn Thị Tú A là số 44110001246209 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, chuyển khoản ngay tại phiên tòa (đã chuyển khoản xong).

* Bà Trịnh Thị A có trách nhiệm giao lại cho cháu Nguyễn Bảo Tr phần di sản có giá trị bằng số tiền 131.000.000 đồng (Một trăm ba mươi một triệu đồng) và gửi tiết kiệm vào Ngân hàng cho cháu Tr.

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 BLTTDS, Khoản 7 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho cháu Nguyễn Bảo Tr do là trẻ em nên thuộc đối tượng được miễn án phí.

Anh Nguyễn Tiến T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần giá trị tài sản được chia là: $150.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 7.500.000 \text{ đồng}$ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Anh T còn phải nộp là 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị Tú A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần giá trị tài sản được chia là: $150.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 7.500.000 \text{ đồng}$ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Do di sản thừa kế có giá trị bằng 563.565.600đ (Năm trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm sáu mươi lăm nghìn, sáu trăm đồng), anh T được hưởng giá trị phần thừa kế bằng số tiền 150.000.000 đồng, chị Tú A được hưởng giá trị phần thừa kế bằng số tiền 150.000.000 đồng, cháu Nguyễn Bảo Tr được hưởng phần thừa kế bằng số tiền 131.000.000 đồng nên chị Trịnh Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng phần giá trị tài sản được chia là: $563.565.600\text{đ} - 150.000.000\text{đ} - 150.000.000\text{đ} - 131.000.000\text{đ} = 132.565.600\text{đồng} \times 5\% = 6.628.280\text{đồng}$ (Sáu triệu, sáu trăm hai mươi tám nghìn, hai trăm tám mươi đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND h. H;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS h.H;
- UBND thị trấn S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc Tú